

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN**
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 1447/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29/11/2018
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.
2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Nguyễn Huy Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mến – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1071/2018/TLST-HNGĐ ngày 11/9/2018 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 541/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 524/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Băng T, sinh năm 1965; Thường trú: 37/1D ấp M, xã T, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh; Ở: 79/4 ấp Đ, xã B, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Đức L, sinh năm 1960; Địa chỉ: 37/1D ấp M, xã T, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Băng T trình bày:

Bà T và ông Phạm Đức L chung sống với nhau từ năm 1990, được Ủy ban nhân dân xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn nhưng đã ly hôn vào tháng 02/2009.

Sau khi ly hôn, vì các con nên vợ chồng đoàn tụ chung sống lại và được UBND xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/6/2012. Tuy nhiên, vợ chồng chung sống không hạnh phúc do ông L rất gia trưởng, thường xuyên đánh đập, chửi bới, xúc phạm bà và cả cha mẹ bà, đập phá

đồ đạc, khoảng 10 năm nay không phụ bà chăm lo cho gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2017 đến nay do bà và các con phải chuyển đi nơi khác.

Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, làm tổn thương bản thân và con cái, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà xin được ly hôn với ông L.

Bà và ông L có 02 con chung là Phạm Thị Duyên H, sinh ngày 09/10/1990 và Phạm Minh K, sinh ngày 20/6/1999. Các con chung đã trưởng thành. Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung trong vụ án này.

Bị đơn: Ông Phạm Đức L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn: Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về việc giải quyết vụ án: Có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn; Bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Phạm Đức L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 541/2018/QĐXXST-HNGĐ kèm Giấy triệu tập số 1102/GTT ngày 25/10/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 524/2018/QĐST-HNGĐ kèm Giấy triệu tập số 1123/GTT ngày 12/11/2018 nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn bà Trần Thị Băng T có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu trong vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn. Bị đơn không có ý kiến phản hồi. Vì vậy, trong vụ án này, Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 20/6/2012 do Ủy ban nhân dân xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh cấp, xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L là hợp pháp, quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về yêu cầu ly hôn:

Theo trình bày của bà T, vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1990 không hạnh phúc nên đã ly hôn vào năm 2009, đến năm 2012 thì đăng ký kết hôn lại nhưng cũng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông L rất gia trưởng, đánh đập, chửi bới, xúc phạm bà và cả cha mẹ bà, đập phá đồ đạc, khoảng 10 năm nay không phụ bà chăm lo cho gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2017 đến nay, mỗi người sống một nơi không quan tâm đến nhau. Vì vậy, bà xin được ly hôn với ông L để ổn định cuộc sống.

Ông L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không lý do là bỏ mặc tình trạng mâu thuẫn vợ chồng, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, không có giải pháp đoàn tụ gia đình.

Việc vợ chồng mâu thuẫn trong nhiều năm, sống ly thân từ tháng 01/2017 đến nay và bỏ mặc không quan tâm đến nhau nhưng không ai có giải pháp hóa giải mâu thuẫn, không ai có thiện chí hàn gắn đoàn tụ gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận, quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 328.TH, quyền số 2/92 ngày 20/5/1992 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh, Giấy khai sinh số 138, quyền số 01/1999 của Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Tp.Hồ Chí Minh, lời khai của bà T, xác định bà T và ông L có 02 con chung là Phạm Thị Duyên H, sinh ngày 09/10/1990 và Phạm Minh K, sinh ngày 20/6/1999. Các con chung Phạm Thị Duyên H và Phạm Minh K đã trưởng thành.

[7] Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ”*. Ông L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mà không có lý do, không có ý kiến phản hồi, không cung cấp tài liệu chứng cứ nên phải tự chịu trách nhiệm.

[8] Về nợ chung: Bà Trần Thị Băng T trình bày không có.

[9] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Cho Bà Trần Thị Băng T ly hôn ông Phạm Đức L.
2. Về con chung: Con chung Phạm Thị Duyên H, sinh ngày 09/10/1990 và Phạm Minh K, sinh ngày 20/6/1999 đã đủ 18 tuổi.
3. Về nợ chung: Bà Trần Thị Băng T trình bày không có.
4. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Băng T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.
5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Băng T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004899 ngày 11/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà Trần Thị Băng T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THA DS huyện Hóc Môn;
- UBND xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

Phạm Văn Huy